

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÙ LAO DUNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-ST  
Ngày 02-11-2021  
V/v “Tranh chấp bồi thường thiệt hại  
ngoài hợp đồng do tài sản và sức khỏe  
bị xâm phạm”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Ngoan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Thanh Nhã.

Ông Nguyễn Văn Giáp.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản và sức khỏe bị xâm phạm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Võ Út Đ, sinh năm: 1980. Cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Võ Tuấn H, sinh năm 1960. Cư trú tại: Khóm X, Phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 8 năm 2020, vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh Phùng Văn N, sinh năm 1975. Cư trú tại: Ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 29 tháng 8 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Võ Út Đ là ông Võ Tuấn H trình bày:

Khoảng 18 giờ ngày 19/4/2020, anh Đ đang điều khiển xe mô tô Wave S biển kiểm soát 83P1-269.83 trên Đường P từ trung tâm thành phố S về nhà anh Đ ở ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng với vận tốc khoảng 40km/h. Khi đi đến đoạn đường thuộc Phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng khoảng 200m thì bị anh Phùng Văn N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision biển kiểm soát 83P3-605.30 chạy từ hướng L về thành phố S, anh N đã say rượu nên không làm chủ được tay lái đâm vào xe mô tô của anh Đ. Anh Đ bị thương nằm điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng 05 ngày, từ ngày 19/4/2020 đến ngày 24/4/2020. Kết quả chuẩn đoán của bệnh viện, thì anh Đ bị: vỡ xoang hàm phải; vết thương mặt; xuất huyết kết mạc. Xe mô tô của anh Đ bị hư hỏng nặng. Trong quá trình nằm bệnh viện điều trị thương tích, anh N và gia đình không có thăm hỏi và không đến khi được cơ quan cảnh sát giao thông mời. Anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: buộc anh N có trách nhiệm bồi thường cho anh Đ các chi phí gồm: tiền chi phí điều trị thương tích 1.875.669 đồng; thu nhập thực tế bị mất do nằm viện điều trị 05 ngày với số tiền là 2.250.000 đồng, trong đó: thu nhập bị mất của anh Đ là: 05 ngày x 250.000 đồng = 1.250.000 đồng, thu nhập bị mất của người nuôi bệnh là 05 ngày x 200.000 đồng = 1.000.000 đồng; sửa chữa xe mô tô với số tiền là 3.860.000 đồng. Tổng cộng là 7.985.669 đồng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh N bồi thường các khoản chi phí sau: tiền chi phí điều trị thương tích theo toa vé 1.875.669 đồng, nhưng bảo hiểm đã thanh 1.382.305 đồng, anh Đ thanh toán 345.756 đồng, nên yêu cầu anh N trả số tiền thuốc 345.756 đồng; thu nhập thực tế bị mất do nằm viện điều trị 05 ngày với số tiền là 1.600.000 đồng, trong đó: thu nhập bị mất của anh Đ là nông dân làm ruộng có đi làm thợ hàn, nay yêu cầu thu nhập bị mất là 200.000 đồng x 05 ngày = 1.000.000 đồng, thu nhập bị mất của người nuôi bệnh (vợ anh Đ) làm nội trợ trong gia đình là 120.000 đồng x 05 ngày = 600.000 đồng; sửa chữa xe mô tô với số tiền là 3.860.000 đồng. Tổng cộng là 5.805.756 đồng. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu anh Phùng Văn N có trách nhiệm bồi thường cho anh Đ thiệt hại về tài sản và sức khỏe với tổng số tiền là 5.805.756 đồng.

- Tại phiên tòa sơ thẩm anh N vắng mặt, anh N không gửi văn bản phản hồi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án, nên không ghi nhận được ý kiến của anh N.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ hợp pháp, nguyên đơn đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu Võ Út Đ; chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu Võ Tuấn H; đơn xin xác nhận ngày 31/8/2020; đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và án phí; giấy ra viện; đơn thuốc ngày 29/4/2020; hóa đơn ngày 14/4/2020; đơn thuốc ngày 19/4/2020; tổng hợp chi phí điều trị thương ngày 24/4/2020; phiếu bán thuốc ngày

19/4/2020; bảng kê chi phí điều trị nội trú ngày 24/4/2020; biên nhận sửa xe ngày 17/5/2020; báo cáo kết luận điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông ngày 27/7/2020; giấy ủy quyền lập ngày 29/8/2020.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập các tài liệu chứng cứ trong vụ tai nạn giữa anh Đ và anh N do Công an thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cung cấp gồm: 02 (hai) biên bản về việc thử nghiệm nồng độ cồn trong hơi thở của người điều khiển phương tiện gây tai nạn giao thông ngày 19/4/2020; biên bản giải quyết vụ tai nạn giao thông ngày 24/7/2020; biên bản ghi lời khai Võ Út Đ ngày 08/6/2020; biên bản xác minh ngày 27/5/2020; biên bản xác minh ngày 08/6/2020; biên bản xác minh ngày 14/6/2020; đề nghị về việc tra cứu truy tìm chủ sở hữu phương tiện ngày 17/6/2020; phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; biên bản giao, nhận ngày 27/7/2020; biên bản vụ tai nạn giao thông ngày 19/4/2020; báo cáo kết luận điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông ngày 27/7/2020; 03 (ba) giấy mời Phùng Văn N; biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông ngày 20/4/2020; biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông ngày 19/4/2020; sơ đồ hiện trường tai nạn giao thông; 04 (bốn) quyết định tạm giữ phương tiện, tang vật liên quan đến vụ tai nạn giao thông cùng ngày 19/4/2020; biên bản giao trả phương tiện, tang vật liên quan đến vụ tai nạn giao thông ngày 30/6/2020; 03 (ba) biên bản về việc vắng mặt của bên có liên quan trong vụ tai nạn các ngày: 08/5/2020, 14/5/2020, 21/5/2020; các biên bản do Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung xác minh, thụ thập gồm: biên bản khảo sát giá sửa xe ngày 08/7/2021; biên bản làm việc ngày 11/5/2021; Biên bản xác minh địa chỉ anh N ngày 25/11/2020.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã gửi Thông báo về việc thụ lý và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn hợp lệ. Bị đơn không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không ý kiến phản đối với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp và các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn có địa chỉ tại ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản và sức khỏe bị xâm phạm, do đó, Hội đồng xét xử xác định là “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản và sức khỏe bị xâm phạm” là phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Phùng Văn N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản và sức khỏe bị xâm phạm của nguyên đơn Võ Út Đ. Theo sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông xảy ra tại Đường P, Phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, đã thể hiện rõ người điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision biển kiểm soát 83P3-605.30 trong hơi thở có nồng độ cồn, chạy ngược chiều với anh Đ, điều khiển xe chạy không đúng phần đường quy định đụng vào xe mô tô Wave S biển kiểm soát 83P1-269.83 do anh Đ điều khiển. Theo biên bản làm việc ngày 11/5/2021 Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, biên bản về việc thử nghiệm nồng độ cồn trong hơi thở của người điều khiển phương tiện gây tai nạn giao thông ngày 19/4/2020 đối với Phùng Văn N, văn bản đề nghị về việc tra cứu truy tìm chủ sở hữu phương tiện của Công an thành phố Sóc Trăng ngày 17/6/2020 và phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 19/6/2020 của Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sóc Trăng, thì người điều khiển và là chủ sở hữu xe mô tô nhãn hiệu Vision biển kiểm soát 83P3-605.30 tên Phùng Văn N, có địa chỉ tại ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

[5] Qua đó có cơ sở xác định anh Phùng Văn N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision biển kiểm soát 83P3-605.30 gây tai nạn cho anh Đ. Anh N điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong hơi thở có nồng độ cồn, điều khiển xe ngược chiều, chạy sai làn đường đụng vào xe anh Đ. Anh N đã vi phạm các hành vi bị cấm khi tham gia giao thông đường bộ được quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật phòng, chống tác hại của rượu bia, khoản 8 Điều 8, khoản 1 Điều 17 Luật Giao thông đường bộ. Anh Đ là người bị thiệt hại về sức khỏe phải nằm bệnh viện điều trị thương tích và chiếc xe anh Đ bị hư hỏng do lỗi của anh N gây ra, nên anh Đ yêu cầu anh N bồi thường thiệt hại tài sản và sức khỏe bị xâm hại là có cơ sở phù hợp quy định tại Điều 584 và khoản 1 Điều 586 của Bộ luật Dân sự.

[5.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm phạm là chi phí sửa chữa xe mô tô Wave S biển kiểm soát 83P1-269.83 với tổng

số tiền là 3.860.000 đồng. Theo biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông đối với xe mô tô Wave S biển kiểm soát 83P1-269.83, chiếc xe bị hư hỏng gồm: phía trước đầu xe, bên phải bị trầy xước; phía trước đầu đèn chiếu sáng bị trầy xước, gương chiếu hậu bên trái bị cong lệch về sau; ốp nhựa thân xe phía trên bên phải bị hở; cánh yếm bên trái phía trên bị trầy xước; cánh yếm bên trái phía trên bên trong bị bể; vành xe trước bị cong biến dạng; cánh yếm bên phải bị trầy xước; phần dưới cánh yếm bên trái bị trầy xước. Như vậy, việc điều khiển xe mô tô sai làn đường của anh N đụng vào xe mô tô của anh Đ đã gây hư hỏng nhiều bộ phận xe mô tô của anh Đ và không thể sử dụng được nếu không được sửa chữa.

[5.2] Tại biên nhận sửa xe ngày 17/5/2020, các bộ phận xe được sửa chữa: mũ giá 1.100.000 đồng; chằng ba: 380.000 đồng; hai phuộc xe: 680.000 đồng; một vành xe 280.000 đồng; một vỏ xe 180.000 đồng; một bộ cãm xe: 50.000 đồng; sửa chữa sườn xe 650.000 đồng, sửa chân chống xe: 50.000 đồng; chén cổ đạn xe: 900.000 đồng; tiền công 400.000 đồng, tổng chi phí sửa chữa 4.670.000 đồng, nhưng anh Đ chỉ yêu cầu bồi thường số tiền 3.860.000 đồng. Như vậy, các bộ phận hư hỏng của chiếc xe mô tô Wave S biển kiểm soát 83P1-269.83 được mô tả tại biên bản khám nghiệm phương tiện, thì anh Đ buộc phải sửa chữa lại chiếc xe thì mới sử dụng được, tổng cộng chi phí sửa chữa xe mô tô của anh Đ là 3.860.000 đồng, đây là các chi phí hợp lý để khắc phục thiệt hại do anh N gây ra, nên anh N phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Đ số tiền 3.860.000 đồng là có cơ sở được quy định tại Điều 589 Bộ luật Dân sự.

[5.3] Nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe gồm các chi phí: tiền chi phí điều trị thương tích theo toa vé 345.756 đồng; thu nhập thực tế bị mất do nằm viện điều trị 05 ngày với số tiền là 1.600.000 đồng, trong đó: thu nhập bị mất của anh Đ 200.000 đồng x 05 ngày = 1.000.000 đồng, thu nhập bị mất của người nuôi bệnh 120.000 đồng x 05 ngày = 600.000 đồng. Tổng chi phí bồi thường thiệt hại về sức khỏe là 1.945.756 đồng. Theo giấy ra viện ngày 24/4/2020 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng thể hiện anh Đ nhập viện điều trị từ ngày 19/4/2020 đến ngày 24/4/2020, chi phí điều trị của anh Đ tại bảng tổng hợp chi phí điều trị ngày 24/4/2020 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sóc Trăng, anh Đ tự trả số tiền là 345.756 đồng. Trước khi bị thương, anh Đ làm ruộng, vợ anh Đ là nội trợ, xét tiền công lao động của người nam làm ruộng trung bình 200.000 đồng/ngày và của người phụ nữ trung bình 120.000 đồng/ngày là phù hợp với giá thị trường tại địa phương nơi anh Đ cư trú tại thời điểm anh Đ điều trị thương tích. Việc anh Đ nằm bệnh viện và cần có người chăm sóc đã làm thu nhập thực tế của anh Đ và vợ anh Đ bị mất.

[5.4] Anh N là người có lỗi đã gây thiệt hại sức khỏe cho anh Đ phải nằm bệnh viện điều trị thương tích, làm mất đi thu thập thực tế của anh Đ và người chăm sóc anh Đ. Nên các chi phí anh Đ đòi anh N phải bồi thường đều là chi phí hợp lý được quy định tại khoản 1 Điều 590 của Bộ luật Dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Đ đòi anh N phải bồi thường các thi phí thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm là 1.945.756 đồng, gồm: chi phí điều trị thương tích số tiền 345.756 đồng, thu nhập thực tế bị mất do nằm viện điều trị

05 ngày với số tiền là 1.600.000 đồng, trong đó: thu nhập bị mất của anh Đ 200.000 đồng x 05 ngày = 1.000.000 đồng; thu nhập bị mất của người nuôi bệnh 120.000 đồng x 05 ngày = 600.000 đồng.

[6] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phùng Văn N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, Điều 590 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 35 Luật phòng, chống tác hại của rượu bia; khoản 8 Điều 8, khoản 1 Điều 17 Luật Giao thông đường bộ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn anh Võ Út Đ.

1. Buộc anh Phùng Văn N phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản và sức khỏe bị xâm phạm cho anh Võ Út Đ số tiền 5.805.756 (năm triệu, tám trăm lẻ năm ngàn, bảy trăm năm mươi sáu) đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phùng Văn N phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Anh Võ Út Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho anh Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003019 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa

đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Ngoan**